

Nội dung bài viết

1. [Hướng dẫn giải bài tập SBT Sinh học lớp 11 trang 38 đầy đủ nhất](#)

Hướng dẫn giải bài tập SBT Sinh học lớp 11 trang 38 đầy đủ nhất

Bài tập trắc nghiệm trang 38, 39 SBT Sinh 11:

Chọn phương án đúng hoặc đúng nhất trong mỗi câu sau.

1. Trật tự di chuyển thức ăn trong ống tiêu hoá của người là

- A. cổ họng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.
- B. thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, cổ họng,
- C. thực quản, cổ họng, dạ dày, ruột già, ruột non.
- D. cổ họng, dạ dày, thực quản, ruột non, ruột già.
- E. cổ họng, thực quản, dạ dày, ruột già, ruột non.

2. Loài động vật có kiểu ăn hút dịch lỏng là

- A. rệp vừng.
- B. trai.
- C. cá voi.
- D. giun đất.
- E. nhện.

3. Chất nào sau đây không phải là chất dinh dưỡng thiết yếu trong khẩu phần của người?

- A. Pepsin.
- B. Đường glucôzơ.
- C. Tinh bột.
- D. Chất béo.

E. Vitamin A.

4. Mỗi ngày, người cần hàng trăm gam cacbohidrat. Nhu cầu hàng ngày về hầu hết các vitamin chỉ tính bằng miligam. Nhu cầu về các vitamin với lượng nhỏ như vậy là vì

A. các vitamin không quan trọng lắm trong trao đổi chất.

B. năng lượng chứa trong các vitamin khá lớn mà ta lại không cần nhiều lắm.

C. cơ thể có thể dự trữ hầu hết các vitamin với số lượng lớn.

D. vitamin chỉ đóng vai trò là các yếu tố điều hoà, xúc tác.

E. mọi tế bào đều cần cacbohidrat, nhưng chỉ một ít tế bào cần vitamin.

5. Khi thở ra, không khí chuyển qua các đoạn của đường hô hấp theo trật tự

A. các phế nang, khí quản, các phế quản, các vi phế quản, hầu, khoang mũi.

B. các phế nang, các vi phế quản, các phế quản, khí quản, hầu, khoang mũi.

C. các phế nang, các vi phế quản, khí quản, các phế quản, hầu, khoang mũi.

D. các phế nang, khí quản, các vi phế quản, các phế quản, hầu, khoang mũi.

E. các vi phế quản, các phế nang, các phế quản, khí quản, hầu, khoang mũi.

6. Trao đổi ngược dòng trong các mang cá có tác dụng

A. đẩy nhanh dòng nước qua mang.

B. duy trì gradien nồng độ để nâng cao khuếch tán.

C. cho phép cá thu ôxi trong khi bơi giật lùi.

D. cho máu và nước qua mang chảy theo cùng một hướng.

E. cản trở hiệu quả hấp thụ ôxi.

Đáp án:

1. A 2. A 3. A 4. D 5. B 6. B

Bài tập trắc nghiệm trang 40 SBT Sinh 11:

7. Khi bạn hít vào, cơ hoành

- A. dãn và nâng lên.
- B. dãn và hạ xuống.
- C. co và nâng lên.
- D. co và hạ xuống.
- E. không liên quan đến các cử động hô hấp.

8. Ôxi khuếch tán trực tiếp từ không khí thông qua các bề mặt ẩm vào tế bào, không nhờ máu vận chuyển có ở

- A. con kiến.
- B. con cá voi.
- C. con giun đất.
- D. con chim sẻ.
- E. con ruồi.

9. Xếp các câu trả lời theo trật tự giảm dần nồng độ ôxi từ cao nhất đến thấp nhất)?

- A. Các mô tế bào, không khí thở vào, máu rời phổi đi.
- B. Không khí thở vào, máu rời phổi đi, các mô tế bào.
- C. Máu rời phổi đi, không khí thở vào, các mô tế bào.
- D. Không khí thở vào, các mô tế bào, máu rời phổi đi.
- E. Các mô tế bào, máu rời phổi đi, không khí thở vào.

10. Đối tượng có hệ tuần hoàn hở là

- A. cá.
- B. khí.

C. chim.

D. ếch.

E. sứa.

11. Huyết áp cao nhất trong và máu chảy chậm nhất trong

A. các tĩnh mạch các mao mạch.

B. các động mạch các mao mạch.

C. các tĩnh mạch các động mạch.

D. các mao mạch các động mạch.

E. các động mạch các tĩnh mạch.

12. Điểm sai khác lớn nhất giữa hệ tim mạch người và hệ tim mạch cá là

A. ở cá, máu được ôxi hoá khi qua n ền mao mạch mang.

B. người có hai vòng tu ần hoàn còn cá chỉ có một vòng tu ần hoàn,

C. các ngăn tim ở người gọi là các tâm nhĩ và tâm thất.

D. người có vòng tu ần hoàn kín, cá có hệ tu ần hoàn hở.

Đáp án:

7. D 8. C 9. B 10. E 11. B 12. B

Bài tập trắc nghiệm trang 41 SBT Sinh 11:

13. Một người có huyết áp 125/80. Con số 125 chỉ và con số 80 chỉ.....

A. huyết áp trong tâm thất trái..... huyết áp trong tâm thất phải.....

B. huyết áp động mạch..... nhịp tim.

C. huyết áp trong kì co tim..... huyết áp trong kì giãn tim.

D. huyết áp trong vòng tu ần hoàn lớn..... huyết áp trong vòng tu ần hoàn phổi.

E. huyết áp trong các động mạch huyết áp trong các tĩnh mạch.

14. Giai đoạn nào sau đây mở đầu quá trình đông máu ?

A. Thương tổn trong biểu mô lót một mạch máu.

B. Tiếp xúc giữa máu và không khí.

C. Chuyển đổi fibrinogen thành sợi fibrin.

D. Hấp dẫn bạch cầu về một vị trí nhiễm trùng.

E. Chuyển đổi sợi fibrin thành chất sinh sợi fibrinogen.

15. Sai khác chủ yếu giữa động vật hằng nhiệt và động vật biến nhiệt là

A. khả năng giữ nước

B. khả năng chịu nóng hay lạnh.

C. khả năng đi đều hoà thân nhiệt khi nhiệt độ môi trường thay đổi.

D. sống trong môi trường nóng hoặc lạnh.

E. sống trên cạn hoặc dưới nước.

16. Trong mỗi ống đơn thận của động vật có xương sống, cầu thận và nang Bowman đảm nhiệm

A. lọc máu và thu chất lọc.

B. hấp thụ lại nước vào máu.

C. phân giải các chất có hại và các độc tố.

D. hấp thụ lại các muối khoáng và chất dinh dưỡng.

E. lọc lại và cô đặc nước tiểu để bài tiết.

17. Các loài chim và các loài côn trùng bài tiết ra axit uric trong khi các loài thú và lưỡng cư bài tiết chủ yếu là urê. Ưu thế chủ yếu của chất thải axit uric so với chất thải urê là

A. axit uric dễ tan trong nước hơn.

- B. axit uric là một phân tử đơn giản
- C. để tạo axit uric cần sử dụng ít năng lượng hơn
- D. để bài tiết axit uric bị mất nước ít hơn.
- E. để bài tiết axit uric mất nhiều chất tan hơn.

Đáp án:

13. C 14. A 15. C 16. A 17. D

Bài tập trắc nghiệm trang 42 SBT Sinh 11:

18. Trong cơ thể, các hệ nào sau đây có vai trò chủ yếu điều chỉnh hoạt động của các hệ khác?

- A. Hệ tim mạch và hệ cơ.
- B. Hệ thần kinh và hệ nội tiết
- C. Hệ bạch huyết và hệ da.
- D. Hệ bạch huyết và hệ nội tiết.
- E. Da và hệ thần kinh.

19. Mọi tế bào trong cơ thể người đều tiếp xúc với môi trường trong chứa

- A. máu.
- B. mô liên kết.
- C. dịch gian bào.
- D. chất nền.
- E. các màng nhầy.

20. Kháng định nào sau đây minh họa tốt nhất cân bằng nội mô:

- A. Hầu hết người trưởng thành cao 1,5m đến 1,8m.
- B. Phổi và ruột non đều có diện tích bề mặt trao đổi rộng

C. Khi nồng độ muối của máu tăng lên, thận phải thải ra nhiều muối hơn.

D. Mọi tế bào của cơ thể có cùng một kích cỡ giống nhau

E. Khi lượng ôxi trong máu giảm, ta cảm thấy đầu lâng lâng.

21. Hô hấp ở cá đạt hiệu quả cao mặc dù hàm lượng ôxi hoà tan trong nước thấp vì:

A. dòng nước hầu như chảy qua mang liên tục.

B. các lá mang có nhiều phiến mang chứa mạng lưới mao quan dày đặc làm tăng bề mặt trao đổi khí.

C. máu chảy song song và ngược chiều với dòng nước chảy qua các phiến mang.

D. cả A, B và C.

22. Hô hấp ở chim đạt hiệu quả cao vì

A. có thêm các túi khí làm tăng bề mặt trao đổi khí.

B. có dòng khí liên tục chuyển qua các ống khí trong phổi từ sau ra trước nhờ sự co giãn của hệ thống túi khí khi các cơ hô hấp co giãn.

C. trong phổi không có khí đọng như ở phổi thú.

D. chỉ có A và B.

E. chỉ có B và C.

Đáp án:

18. B 19. C 20. C 21. D 22. D